

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2008/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước

kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả;

Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành

Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải. Các quy định khác của Bộ Giao thông vận tải trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng

các đơn vị sự nghiệp, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các công ty nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

QUY CHẾ

giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước sau:

- Công ty nhà nước, bao gồm: Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Bộ Giao thông vận tải là đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước khác);

- Các doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ giám sát.

Điều 2. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước trong quản lý sản xuất kinh doanh.

1. Hội đồng quản trị công ty nhà nước

chịu trách nhiệm trước người thành lập công ty nhà nước, trước người bổ nhiệm và trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty nhà nước.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lệ của số liệu báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp.

Điều 3. Kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hàng năm của các doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán độc lập (Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ; Nghị định số 133/2005/NĐ-CP ngày 31/10/2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP). Công tác kiểm toán phải được hoàn thành sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chương II
GIÁM SÁT DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC

Điều 4. Doanh nghiệp tự giám sát

Người quản lý, điều hành, người lao động trong doanh nghiệp có trách nhiệm tự giám sát theo quy định tại Điều 5 Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Nội dung giám sát của chủ sở hữu

Nội dung giám sát của chủ sở hữu gồm:

1. Việc tổ chức hoạt động kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban giám đốc công ty nhà nước, Ban giám đốc công ty thành viên, người được ủy quyền đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện phần vốn của công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác.

2. Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm và dài hạn của công ty nhà nước; xem xét tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của công ty nhà nước và khả năng thanh toán nợ của công ty nhà nước.

3. Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị,

Điều lệ của doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu liên quan đến quyền chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp.;

4. Tình hình quản lý, sử dụng vốn; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty nhà nước.

Điều 6. Hình thức giám sát của Bộ Giao thông Vận tải với tư cách là chủ sở hữu

1. Công tác giám sát của Bộ Giao thông vận tải đối với doanh nghiệp nhà nước được thực hiện chủ yếu theo hình thức giám sát gián tiếp, bằng cách thực hiện theo dõi và giám sát hoạt động của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của Bộ Giao thông vận tải do các doanh nghiệp nhà nước báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

2. Trường hợp cần thiết, Bộ Giao thông vận tải sử dụng hình thức giám sát trực tiếp bằng cách thành lập các đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra, nắm bắt tình hình trực tiếp tại doanh nghiệp. Việc giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác kiểm tra đối với doanh nghiệp.

3. Bộ Giao thông vận tải có thể sử dụng các công ty tư vấn (như Công ty tư vấn tài chính kế toán, thuế, Công ty

kiểm toán độc lập, Công ty đánh giá tài sản,...) để thực hiện việc giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

Điều 7. Giám sát của Bộ Giao thông vận tải với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước

Bộ Giao thông vận tải giao cho các Vụ tham mưu, Thanh tra Bộ và các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải, căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình thực hiện giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 của Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Phân cấp trong việc thực hiện giám sát doanh nghiệp nhà nước với tư cách là chủ sở hữu

1. Bộ Giao thông vận tải thực hiện giám sát theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Chương II Quy chế này đối với công ty nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập và các doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ giám sát; thực hiện giám sát theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Chương II Quy chế này, các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp đối với

các doanh nghiệp nhà nước khác trừ các đối tượng được phân cấp tại khoản 2 Điều này.

2. Bộ Giao thông vận tải giao Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng giám sát theo quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Chương II Quy chế này đối với các công ty nhà nước trực thuộc Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp.

Điều 9. Quy trình giám sát công ty nhà nước với tư cách là chủ sở hữu do Bộ Giao thông vận tải thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải thực hiện giám sát gián tiếp các công ty nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập và công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy trình sau:

a) Bước 1: Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty nhà nước tiến hành lập và nộp Bộ Giao thông vận tải các báo cáo, tài liệu theo quy định tại Chương IV Quy chế này;

b) Bước 2: Hàng năm, căn cứ kết quả giám sát của Bộ Tài chính, kết quả giám sát của Hội đồng quản trị các công ty nhà nước, các báo cáo của công ty nhà nước

gửi Bộ Giao thông vận tải và kết quả kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, Tổ Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Tổ Giám sát) chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ, các Vụ có liên quan của Bộ Giao thông vận tải tiến hành phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp đối với công ty nhà nước theo các chỉ tiêu do Nhà nước quy định, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Quy trình giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước khác được thực hiện theo quy định tại Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính.

3. Việc giám sát trực tiếp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

Điều 10. Giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả, ngoài việc thực hiện giám sát theo Quy chế này còn phải thực hiện giám sát theo quy định tại Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007

của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả; Thông tư số 42/2008/TT-BTC ngày 22/5/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả ban hành kèm theo Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Giao thông vận tải giao Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thực hiện các nhiệm vụ sau đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc:

a) Thực hiện việc công bố đối tượng giám sát quy định tại Điều 2 Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả ban hành kèm theo Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Thực hiện việc kiểm tra giám sát theo quy định tại Điều 5 Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả ban hành kèm theo Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của

Thủ tướng chính phủ và báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 11. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 4, mục III, Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phương pháp đánh giá

Theo quy định tại Điều 13 Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ; điểm 5.1, 5.3 khoản 5, mục III, Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Phân cấp trong việc công bố xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Bộ Giao thông vận tải công bố xếp loại cho các công ty nhà nước do Bộ

Giao thông vận tải quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước khác, trừ các đối tượng được phân cấp tại khoản 2 Điều này.

2. Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải, thẩm định và công bố xếp loại cho các công ty nhà nước trực thuộc Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp.

3. Việc công bố xếp loại cho các doanh nghiệp nhà nước chỉ được công bố sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính và phải được công khai theo Biểu số 7 Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính lên trang tin điện tử (Website) của Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp hoặc đăng báo hàng ngày của Trung ương trong 03 số liên tiếp.

Điều 14. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền về xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Công văn đề nghị xếp loại của doanh nghiệp nhà nước.

2. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước (đối với tổng công ty nhà nước bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ, báo cáo tài chính của các công ty thành viên, báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán, kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán.

3. Báo cáo tự xếp loại của doanh nghiệp nhà nước.

4. Việc xếp loại tổng công ty nhà nước ngoài các hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, hồ sơ còn phải có:

a) Quyết định của Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước về xếp loại doanh nghiệp cho các đơn vị thành viên;

b) Báo cáo giám sát của tổng công ty nhà nước đối với các doanh nghiệp thành viên.

Điều 15. Quy trình xếp loại doanh nghiệp

Bộ Giao thông vận tải thực hiện xếp loại cho các doanh nghiệp nhà nước nêu tại khoản 1 Điều 13 Chương III Quy chế này theo quy trình sau:

1. Bước 1:

Các doanh nghiệp nhà nước tự xếp loại và báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải theo quy định sau:

a) Trên cơ sở số liệu kiểm toán, số liệu báo cáo của các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo tự xếp loại của doanh nghiệp nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 115 /2007/TT-BTC ngày 25/9/2007, các tổng công ty nhà nước tiến hành thẩm định và xếp loại cho các doanh nghiệp thành viên, đồng thời tự xếp loại đối với toàn tổng công ty và

báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

b) Trên cơ sở số liệu kiểm toán, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007, các công ty nhà nước độc lập, các doanh nghiệp nhà nước khác tiến hành tự xếp loại doanh nghiệp và báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Bước 2:

Trên cơ sở hồ sơ quy định tại Điều 14 Quy chế này, báo cáo của các đơn vị nêu tại khoản 1 Điều này, Tổ Giám sát rà soát, tổng hợp dự kiến xếp loại cho các doanh nghiệp nhà nước để báo cáo Bộ trưởng, đồng thời tham mưu văn bản đề Bộ trưởng ký gửi Bộ Tài chính để lấy ý kiến.

3. Bước 3:

Sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính, Tổ Giám sát phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố xếp loại cho các công ty nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước khác do Bộ Giao thông vận tải là đại diện chủ sở hữu và được công khai lên trang tin điện tử (Website) của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 16. Xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nhà nước

1. Việc xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nhà nước theo quy định tại Quy chế giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tự xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc các công ty nhà nước, Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Tài chính để đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nhà nước. Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nhà nước, Tổ Giám sát chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thông báo xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc các công ty nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập trừ các đối tượng được phân cấp tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ Giao thông vận tải giao Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải,

thẩm định xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cho các công ty nhà nước trực thuộc.

Chương IV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 17. Báo cáo quý

1. Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải:

a) Báo cáo ước thực hiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp theo biểu số 01 Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tài chính của các đơn vị đã được kiểm tra trong quý;

c) Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Giao thông vận tải là chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

2. Đối với các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp báo cáo ước thực hiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo biểu số 01 Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007

của Bộ Tài chính và kết quả giám sát trong quý đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo sự phân cấp nêu tại khoản 2 Điều 8 Chương II Quy chế này gửi Bộ Giao thông vận tải. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Giao thông vận tải là chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Điều 18. Báo cáo năm

1. Báo cáo của doanh nghiệp nhà nước:

Chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải các báo cáo sau:

a) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mục tiêu, chiến lược kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn; kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, của Hội đồng quản trị trong năm; đánh giá hiệu quả các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu liên quan đến quyền chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp. Báo cáo cần phân tích và nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục;

b) Báo cáo tài chính năm (được lập và trình bày theo quy định của Bộ Tài chính), báo cáo kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và phát hành về báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp nhà nước;

c) Báo cáo tình hình xếp loại doanh nghiệp theo Biểu số 02 (đối với công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên thuộc tổng công ty), Biểu số 04 (đối với tổng công ty nhà nước), Biểu số 05 (tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp của từng doanh nghiệp thuộc tổng công ty nhà nước) Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty nhà nước:

a) Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước báo cáo kết quả giám sát của mình đối với các doanh nghiệp thành viên. Trong đó, có phân tích đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp và người điều hành, quản lý doanh nghiệp đối với từng đơn vị thành viên và nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục. Khi đánh giá, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước cần tập trung phân tích tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, bao gồm:

+ Bảo toàn vốn nhà nước;

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn nhà nước, khả năng thanh toán nợ đến hạn, các khoản nợ quá hạn phải trả, nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

+ Tài sản tồn đọng và việc xử lý tài

sản tồn đọng, nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

+ Nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi và nợ không có khả năng thu hồi; việc xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi, nguyên nhân chưa xử lý;

+ Việc trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, xử lý chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả, trích lập quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật.

b) Hội đồng quản trị công ty nhà nước tiến hành đánh giá về kết quả điều hành quản lý công ty của Tổng giám đốc (Giám đốc); lập biểu báo cáo xếp loại Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc (Giám đốc) theo Biểu 06 Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính. Trong báo cáo phải nêu rõ những ưu điểm, tồn tại, khó khăn và kiến nghị các biện pháp khắc phục;

c) Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3. Báo cáo của các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành và các đơn vị sự nghiệp:

a) Chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải:

- Kết quả giám sát cả năm của cơ quan, đơn vị mình đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo sự phân cấp nêu tại khoản 2 Điều 8 Chương II Quy chế này;

- Tiến hành phân tích, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp và người quản lý, điều hành doanh nghiệp; nêu rõ những khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục đối với từng doanh nghiệp nhà nước trực thuộc. Khi đánh giá, phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước cần tập trung phân tích tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, bao gồm:

+ Bảo toàn vốn nhà nước;

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn nhà nước, khả năng thanh toán nợ đến hạn, các khoản nợ quá hạn phải trả, nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

+ Tài sản tồn đọng và việc xử lý tài sản tồn đọng, nguyên nhân và giải pháp khắc phục;

+ Nợ phải thu, nợ phải thu khó đòi và nợ không có khả năng thu hồi; việc xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi, nguyên nhân chưa xử lý;

+ Việc trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp, xử lý chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả, trích lập quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật.

b) Chậm nhất vào ngày 20 tháng 4 năm sau, các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp (Tổng cục, Cục, đơn vị sự nghiệp có doanh nghiệp nhà nước trực thuộc) thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm báo cáo kết quả xếp loại doanh nghiệp, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nhà nước trực thuộc theo sự phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 3 Điều 16 Chương III Quy chế này. Mẫu báo cáo theo các Biểu số 02, số 03, số 04, số 05, số 06 Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính.

Điều 19. Nơi nhận báo cáo

Tất cả các tài liệu, báo cáo nêu tại các Điều 17, Điều 18, Chương IV Quy chế này, các đơn vị có trách nhiệm gửi về Tổ

Giám sát (qua Vụ Tài chính) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 20. Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp

Bộ Giao thông vận tải sẽ ban hành hệ thống các chỉ tiêu về doanh nghiệp nhà nước làm cơ sở cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ cho công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước của Bộ Giao thông vận tải. Trên cơ sở hệ thống các chỉ tiêu về doanh nghiệp nhà nước do Bộ Giao thông vận tải ban hành, các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và định kỳ báo cáo về Bộ Giao thông vận tải.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Tổ Giám sát có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Quy chế này để báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Điều 9, Điều 15, khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

2. Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành,

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn và quán triệt các quy định của Nhà nước và của Bộ Giao thông vận tải về công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước đến từng đơn vị thành viên trực thuộc do mình quản lý;

b) Tổ chức bộ máy, bố trí đủ nhân lực để thực hiện tốt công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do mình thực hiện.

3. Hội đồng quản trị công ty nhà nước:

a) Hội đồng quản trị công ty nhà nước thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính; Tổ chức bộ máy, bố trí đủ nhân lực để thực hiện tốt công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do mình thực hiện;

b) Hội đồng quản trị công ty nhà nước thực hiện việc giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả theo quy định tại Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả; Thông tư số 42/2008/TT-BTC ngày 22/5/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quy chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, hoạt động không có hiệu quả ban hành kèm theo Quyết định số 169/2007/QĐ-TTg ngày 08/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thẩm định và công bố xếp loại cho các doanh nghiệp thành viên giữ quyền chi phối.

4. Trung tâm Tin học xây dựng hệ thống phần mềm tin học và triển khai áp dụng thống nhất từ Bộ Giao thông vận tải đến các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp để thực hiện công tác tiếp nhận các báo cáo về cơ sở dữ liệu từ các Tổng cục, Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước về Bộ Giao thông vận tải nhanh chóng, an toàn và bí mật.

5. Các Vụ tham mưu, Thanh tra Bộ, căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình thực hiện giám sát doanh nghiệp theo

quy định, đặc biệt là việc thực hiện giám sát với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; có trách nhiệm phối hợp, cung cấp cho Tổ Giám sát các thông tin, tài liệu có liên quan đến doanh nghiệp mà cơ quan, đơn vị mình đã tham mưu trình Bộ Giao thông vận tải quyết định.

6. Tổng cục trưởng, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, căn cứ các quy định của Nhà nước và sự phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải tiến hành xây dựng và ban hành quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trực thuộc đảm bảo hiệu quả.

7. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện những điểm chưa hợp lý, cần bổ sung, sửa đổi, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo và đề xuất về Bộ Giao thông vận tải để Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Biểu số 1

TÊN ĐƠN VỊ:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP

Quý..... năm.....

*(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007
của Bộ Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện quý...	Lũy kế	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN				
	- Doanh nghiệp có lãi	DN	X			
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN	X			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN	X			
2	Tổng số lao động	Người				
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng				
4	Tổng số vốn Nhà nước (*)	Tr.đồng				
5	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Tr.đồng				
6	Tổng nợ phải trả	Tr.đồng	X			
	+ Nợ ngân hàng	Tr.đồng	X			
	+ Nợ quá hạn	Tr.đồng	X			
7	Tổng tài sản	Tr.đồng				
	Trong đó tổng nợ phải thu	Tr.đồng	X			
	+ Nợ khó đòi	Tr.đồng	X			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện quý...	Lũy kế	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
8	Kết quả kinh doanh					
	- Doanh thu (không thuế)	Tr.đồng				
	- Lãi thực hiện (trước thuế)	Tr.đồng				
	- Lỗ thực hiện	Tr.đồng				

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày.... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ghi chú:

- Công ty nhà nước độc lập không điền số liệu vào chỉ tiêu 1;
- Các chỉ tiêu có dấu (*) cột kế hoạch năm lấy số dư đầu kỳ ghi trên báo cáo tài chính;
- Các chỉ tiêu có dấu (x) ở cột kế hoạch năm không ghi số liệu.

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/ năm trước)	Xếp loại	
Chi tiêu 1	Doanh thu và thu nhập khác hoặc sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ (tr.đồng hoặc tấn, kwh)					
Chi tiêu 2	Lợi nhuận thực hiện (tr.đồng)					
	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn Nhà nước (%)					
Chi tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (tr.đồng)					
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
Chi tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/năm trước)	Xếp loại	
Doanh nghiệp xếp loại:			Năm nay			
			Năm trước			

XÁC NHẬN CƠ QUAN CẤP TRÊN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích của Nhà nước

(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/năm trước)	Xếp loại	
Chi tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (tr.đồng)					
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
Chi tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					
Chi tiêu 5	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao (sản lượng: tấn, kg...)					
Doanh nghiệp xếp loại:				Năm nay		
				Năm trước		

XÁC NHẬN CƠ QUAN CẤP TRÊN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 4

BÁO CÁO XẾP LOẠI TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC, CÔNG TY MẸ
(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007
của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chi tiêu	Tỷ lệ % trên tổng doanh thu	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của cơ quan cấp trên
1	Doanh nghiệp thành viên (*)			
2	Doanh nghiệp thành viên			
3	Doanh nghiệp thành viên			
...			
	Tổng doanh thu toàn Tổng công ty (tr. đồng)			
	Tổng lợi nhuận toàn Tổng công ty (tr. đồng) (**)			
Xếp loại Tổng công ty:		Năm nay		
		Năm trước		

XÁC NHẬN CƠ QUAN
CẤP TRÊN
 (Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC
DOANH NGHIỆP
 (Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty mẹ hoặc Văn phòng Tổng công ty, công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty (báo cáo gửi kèm Biểu số 2, Biểu số 3 của các doanh nghiệp thành viên)

(**) Lợi nhuận đã bù trừ lãi, lỗ giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty.

CHỦ SỞ HỮU

(HĐQT Tổng công ty Nhà nước, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP

Năm....

(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007 của Bộ Tài chính)

Tên DN	Loại hình DN (Cty NN, TNHH Cty CP)	Chi tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chi tiêu 2						Chi tiêu 3			Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN năm nay	Xếp loại DN năm trước
					Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Nợ quá hạn (tr.đ)	Hệ số khả năng t.toán				
		Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay							
DN kinh doanh:																	
DN...																	
DN...																	
DN...																	

Tên DN	Loại hình DN (Cty NN, TNHH Cty CP)	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3			Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN năm nay	Xếp loại DN năm trước
					Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Nợ quá hạn (tr.đ)	Hệ số khả năng t.toán				
		Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay							
DN công ích																	
DN...																	
DN...																	
DN...																	
Tổng công ty																	
DN thành viên...																	
DN thành viên...																	
DN thành viên...																	

Ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú:

- Chỉ tiêu vốn được xác định như sau:

+ Công ty nhà nước: là vốn nhà nước

+ Công ty TNHH, Công ty Cổ phần bao gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (mã số 417) + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (mã số 421)

- Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty mẹ hoặc Văn phòng Tổng công ty, công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty.

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ SỞ HỮU
(HĐQT, UBND CẤP TỈNH, BỘ, CƠ QUAN TW)

Biểu số 6

BÁO CÁO XẾP LOẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Năm.....

(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007
của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh:

TT	Chi tiêu	Chi tiêu
1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư (%)	
	+ Kế hoạch	
	+ Thực hiện	
2	Chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT, Điều lệ của doanh nghiệp (đánh dấu x)	
	+ Chấp hành	
	+ Không chấp hành, không chấp hành đầy đủ	
3	Doanh nghiệp hoặc Tổng công ty xếp loại (A, B hoặc C)	

Xếp loại (đánh dấu x)	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của cơ quan cấp
+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		
+ Hoàn thành nhiệm vụ		
+ Không hoàn thành nhiệm vụ		

XÁC NHẬN CƠ QUAN
CẤP TRÊN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

HĐQT
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 7

CHỦ SỞ HỮU

(HĐQT, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh)

CÔNG KHAI KẾT QUẢ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Năm.....

(ban hành kèm theo Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25/9/2007
của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Kết quả xếp loại DN năm nay	Kết quả xếp loại DN năm trước
DN kinh doanh:			
DN...			
DN...			
DN...			
DN công ích			
DN...			
DN...			
DN...			
Tổng công ty			
DN thành viên...			
DN thành viên...			
DN thành viên...			

Ghi chú: (in cùng bản công bố thông tin)

- Loại A: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Loại B: doanh nghiệp hoạt động bình thường.
- Loại C: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh yếu kém.

XÁC NHẬN CƠ QUAN
CẤP TRÊN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC
DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu)

09623795